

Số: /BC-UBND

Ngọc Hôi, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”

Thực hiện Công văn số 1092/UBND-KGVX ngày 14/4/2023 của UBND tỉnh Kon Tum về việc tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI;

Thực hiện Công văn số 1550-CV/HU ngày 24-3-2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc báo cáo tổng kết 10 năm tình hình thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” (gọi tắt là Nghị quyết 29-NQ/TW);

Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hôi báo cáo kết quả thực hiện như sau:

Phần I

KHÁI QUÁT CHUNG

I. Khái quát tình hình

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy, sự điều hành của chính quyền cùng với sự nỗ lực của toàn dân, kinh tế của huyện có tốc độ tăng trưởng khá¹; lĩnh vực y tế, văn hóa, giáo dục có bước phát triển; quốc phòng - an ninh được giữ vững; trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định; công tác an sinh xã hội được quan tâm thực hiện kịp thời; công tác tiếp dân, xử lý đơn, thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo của công dân được thực hiện đúng quy định của pháp luật; kỷ luật, kỷ cương hành chính được thắt chặt; tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức có sự chuyển biến tốt; dân chủ tiếp tục được mở rộng, khối đại đoàn kết các dân tộc không ngừng củng cố và phát huy, nhân dân luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của chính quyền các cấp.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản trên, nhìn chung tình hình kinh tế - xã hội của huyện cũng như đời sống nhân dân các dân tộc trên địa bàn còn gặp nhiều

¹ Tổng giá trị sản xuất năm 2022 ước đạt 8.260 tỷ đồng, đạt 108% so với kế hoạch và bằng 112% so với năm trước, trong đó: Nông-lâm-thủy sản ước đạt 1.400 tỷ đồng, đạt 106% kế hoạch và 109% so với năm trước; Công nghiệp-xây dựng ước đạt 2.584 tỷ đồng, đạt 111% kế hoạch và bằng 115% so với năm trước; Thương mại-Dịch vụ ước đạt 4.276 tỷ đồng, đạt 107% kế hoạch và bằng 111% so với năm trước. Cơ cấu ngành kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng. Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 47 triệu đồng.

khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn khá cao²; địa hình có đường biên giới dài, nhiều đồi núi, trình độ dân trí của đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã vùng sâu, vùng xa vẫn còn thấp; tình hình biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp, đặc biệt là đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển kinh tế - xã hội và đời sống, việc làm của nhân dân.

II. Khái quát về tình hình giáo dục

- Toàn huyện có 33 trường học; trong đó có 13 trường mầm non, 11 trường tiểu học, 6 trường trung học cơ sở và 3 trường liên cấp TH-THCS.

- Tổng số lớp: 510 lớp, trong đó bậc mầm non 153 lớp, tiểu học 228 lớp, THCS 129 lớp.

- Số học sinh: 15.134 học sinh, trong đó bậc mầm non 4.091 học sinh (*Công lập 3.616 học sinh, tư thục 341 học sinh; dân lập 134 học sinh*), tiểu học 6.736 học sinh, THCS 4.307 học sinh. Riêng học sinh DTTS: 8.770 học sinh (*tỉ lệ 57,9%*), trong đó bậc mầm non 2.347 học sinh (*tỉ lệ 58%*), tiểu học 4.019 học sinh (*tỉ lệ 59,7%*), THCS 2.404 học sinh (*tỉ lệ 55,9%*).

- Về trường PTDTBT và trường phổ thông có học sinh bán trú:

+ Trường PTDTBT: Huyện có 01 trường PTDTBT cấp THCS (*trường PTDTBT THCS Ngô Quyền*), với 430 học sinh 407 học sinh DTTS (*chiếm 94,7%*), học sinh bán trú 342 em (*chiếm 79,53%*), học sinh DTTS bán trú 334 em (*chiếm 77,7%*).

+ Trường phổ thông có học sinh bán trú theo NĐ116: Huyện có 02 trường có học sinh bán trú theo NĐ116 (*trường TH Đăk Ang, TH Kim Đồng*), với 688 học sinh, 659 học sinh DTTS (*chiếm 95,8%*), học sinh bán trú 458 em (*chiếm 66,6%*), học sinh DTTS bán trú 435 em (*chiếm 66%*)³.

- Trong những năm qua, ngành Giáo dục huyện đã triển khai kịp thời các chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về GD&ĐT trên địa bàn; các cuộc vận động và các phong trào thi đua của ngành được triển khai sâu rộng, linh hoạt. Công tác quản lý giáo dục được đổi mới; công tác giám sát, kiểm tra và kiểm định chất lượng giáo dục tiếp tục được tăng cường.

- Quy mô, mạng lưới trường lớp tiếp tục được rà soát, tổ chức sắp xếp theo hướng ngày càng tinh gọn nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục học sinh. Đến nay, đã hoàn thành sáp nhập các trường TH, THCS thành trường liên cấp TH-THCS tại 03 xã (*Đăk Xú, Đăk Kan, Đăk Nông*) - hoàn thành chỉ tiêu sáp nhập được giao giai đoạn 2019-2021⁴. Từ 2019 đến nay, giảm được 02 điểm trường lẻ (*giảm điểm Đăk Sút 2 của*

² Tổng số hộ nghèo trên địa bàn huyện theo chuẩn nghèo mới giai đoạn 2022-2025 là 726 hộ, chiếm tỷ lệ 4,5%; hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo mới giai đoạn 2022-2025 là 460 hộ, chiếm tỷ lệ 2,85%.

³ Trường TH Đăk Ang: Tổng số 411 học sinh, 384 học sinh DTTS (chiếm 93,4%), học sinh bán trú 283 em (chiếm 68,9%), học sinh DTTS bán trú 260 em (chiếm 63,3%). Trường TH Kim Đồng: Tổng số 277 học sinh, 275 học sinh DTTS (chiếm 99,3%), học sinh bán trú 175 em (chiếm 63,2%), học sinh DTTS bán trú 175 em (chiếm 63,2%).

⁴ Thực hiện Chương trình số 126-CTr/HU, ngày 20-3-2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa VI thực hiện Chương trình số 53-CTr/TU, ngày 21-02-2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV về việc thực hiện Nghị

trường MN Đăk Ang – nhập về điểm Đăk Sút 1, giảm điểm trường thôn Đăk Răng của trường MN Đăk Dục – nhập về điểm trường trung tâm thôn Nông Kon), như vậy hiện nay toàn ngành còn 20 điểm trường lẻ (cấp học mầm non 19 điểm, cấp học tiểu học 01 điểm).

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị tiếp tục được cấp trên và ngành giáo dục huyện quan tâm đầu tư, bổ sung; phòng học, thiết bị cơ bản đáp ứng được yêu cầu tối thiểu để dạy học.

- Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được quan tâm đầu tư, hàng năm số trường được công nhận đều đạt chỉ tiêu đề ra⁵. Hiện nay, đang đẩy mạnh đầu tư và thực hiện hồ sơ, thủ tục công nhận mới thêm 02 trường nằm trong lộ trình năm 2023 (*MN Đăk Ang, TH Đăk Ang*).

- Số lượng và chất lượng đội ngũ nhà giáo được tuyển dụng, bố trí, sắp xếp phù hợp, khắc phục cơ bản những khó khăn trước mắt⁶ (*các giáo viên chuyên như Tin học, Tiếng Anh, Âm nhạc, Thể dục được sắp xếp dạy liên cấp, phân công dạy tại 02 trường – số tiết phân công đảm bảo theo định mức hoặc được trả chế độ dư giờ theo quy định*).

- Các chế độ, chính sách dành cho nhà giáo, học sinh thực hiện đầy đủ, kịp thời, nhất là các chính sách dành cho học sinh vùng DTTS, học sinh con em gia đình hộ nghèo – hộ cận nghèo, góp phần huy động tối đa học sinh trong độ tuổi tới trường, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, nâng cao chất lượng giáo dục.

- Chất lượng giáo dục học sinh được củng cố, ngày càng phát triển, chất lượng giáo dục học sinh DTTS từng bước tiệm cận với chất lượng đại trà và dần đi vào bền vững. Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi được duy trì và giữ vững (*đạt chuẩn*); công tác phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt mức độ 2 và xóa mù chữ đạt mức độ 2.

Phần II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. Công tác nghiên cứu, quán triệt; kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết Nghị quyết

1. Công tác nghiên cứu, quán triệt

- Hàng năm, 100% đội ngũ cán bộ, viên chức (*bao gồm công chức, viên chức ngành giáo dục*) đều tham gia đầy đủ các đợt quán triệt, phổ biến Nghị quyết, Chỉ thị, Kế hoạch, ... của các cấp do Huyện uỷ và các địa phương (*cấp xã*) tổ chức (*cán bộ chủ chốt, công chức, viên chức đang công tác tại các cơ quan, đơn*

quyết số 19-NQ/TW, ngày 25-10-2017 của BCH Trung ương “về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”.

⁵ Kết quả đến hết năm 2022, số trường học đạt chuẩn quốc gia là 26/30 trường, đạt 86,7% - đạt chỉ tiêu giao, cụ thể: Cấp học mầm non 09/10 trường, đạt 90%; cấp học tiểu học 09/11 trường, đạt 81,8%; cấp THCS 05/06 trường, đạt 83,3%; trường liên cấp TH-THCS 03/03 trường, đạt 100%. Dự kiến năm 2023, số trường học đạt chuẩn quốc gia là 28/30 trường, đạt 93,33% (*thêm trường MN Chợ Rao và TH Đăk Ang*).

⁶ Hiện nay toàn ngành có 871 người gồm trong đó 74 cán bộ quản lý, 757 giáo viên, 40 nhân viên; trong đó, riêng đội ngũ DTTS 185 người.

vị thuộc huyện tham gia các lớp tại huyện; công chức, viên chức cấp xã và các trường học tham gia tại xã/thị trấn). Riêng ngành giáo dục, đầu mỗi năm học còn mở đợt bồi dưỡng chính trị dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (trung bình khoảng 800-1000 người tham gia/đợt); ngoài ra cán bộ quản lý tham gia đầy đủ các đợt bồi dưỡng chính trị hàng năm và quán triệt nhiệm vụ năm học do Sở GD&ĐT Kon Tum tổ chức.

- Công tác phổ biến, quán triệt trong ngành giáo dục được Phòng GD&ĐT huyện thường xuyên thực hiện thông qua việc tập huấn, bồi dưỡng các modul thực hiện Chương trình GDPT 2018 do Sở GD&ĐT tổ chức (9 modul với 100% cán bộ quản lý, giáo viên tham gia), tất cả đối tượng tham gia viết bài thu hoạch cho từng modul và đều được đánh giá đạt; đồng thời quán triệt trong các văn bản hướng dẫn, điều hành trong các năm học, đồng thời thực hiện trong các đợt tập huấn, cuộc họp giao ban ngành, các buổi sinh hoạt chuyên môn theo Cụm và trong các buổi kiểm tra, tư vấn chuyên môn tại các cơ sở giáo dục, ... nội dung quán triệt tập trung vấn đề đổi mới nội dung, chương trình sách giáo khoa, đổi mới phương pháp, hình thức dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh, ...

- Đối với các cơ sở giáo dục, trong những năm qua đã triển khai thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của Phòng GD&ĐT, phù hợp với tình hình thực tế tại các địa phương, đơn vị. Việc phổ biến tại các trường được thực hiện thường xuyên thông qua các cuộc họp, các buổi sinh hoạt tổ chuyên môn, dự giờ tư vấn dạy học đối với giáo viên, ... vì vậy, đội ngũ nhà giáo nắm vững chủ trương, mục tiêu, yêu cầu, nội dung trọng tâm, lộ trình thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và tổ chức thực hiện tại đơn vị đạt hiệu quả.

2. Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết

- Hàng năm, HĐND tỉnh, HĐND huyện, Sở GD&ĐT Kon Tum, Thanh tra huyện, ... đều tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra, giám sát các chuyên đề trong lĩnh vực giáo dục tại Phòng GD&ĐT và các trường trực thuộc, qua đó kịp thời chấn chỉnh các tồn tại trong công tác giáo dục và đào tạo. Cụ thể, Sở GD&ĐT kiểm tra/thanh tra khoảng 3 đợt/năm học, Thanh tra huyện từ 2-3 đơn vị trường học/Phòng GD&ĐT, HĐND tỉnh và HĐND huyện 1 đợt/năm, ...

- Trong ngành giáo dục: Phòng GD&ĐT đều xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên ngành tại các trường theo năm học và triển khai thực hiện hàng tháng (từ 2-5 trường/tháng); nội dung thực hiện tập trung kiểm tra về công tác quản lý, việc đổi mới phương pháp dạy học, thu – chi, ... , đã từng bước thúc đẩy thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ tại các cơ sở giáo dục.

- Việc báo cáo sơ kết hàng năm Nghị quyết 29-NQ/TW được thực hiện đầy đủ, kịp thời gắn với việc sơ kết, tổng kết các văn bản chỉ đạo quan trọng, xuyên suốt như Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 23-8-2016, Nghị quyết 02-NQ/TU, ngày 06-5-2021, Chương trình số 67-CTr/TU ngày 29-4-2014, Chương trình 66-CTr/HU ngày 25-11-2016, Chương trình số 137-CTr/HU ngày 07-7-2014, Chương trình số 38-CTr/HU ngày 14-7-2021, ...

- Kết quả đánh giá thực hiện việc thực hiện các nội dung trên được sử

dụng để làm căn cứ đánh giá, xếp loại đối với cơ quan, đơn vị và cá nhân theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Riêng Phòng GD&ĐT thường xuyên đưa nội dung thảo luận trong các cuộc họp Chi bộ, họp cơ quan về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ để kịp thời tham mưu cấp trên, hoặc có giải pháp tháo gỡ, nhất là một số chỉ tiêu, nhiệm vụ đạt thấp hoặc chưa bền vững.

II. Đánh giá kết quả triển khai, thực hiện nhiệm, giải pháp đã nêu trong Nghị quyết 29-NQ/TW và Chương trình 137-Ctr/HU

1. Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đào tạo

- Việc tham mưu và ban hành các văn bản triển khai quan điểm “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển, được ưu tiên đi trước một bước trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội” được thực hiện đầy đủ, kịp thời, phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương; các nhiệm vụ, giải pháp đề ra vừa chi tiết, giải quyết những vấn đề cụ thể, vừa đồng bộ, thống nhất với các Chương trình, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện⁷.

⁷ Các văn bản chỉ đạo cấp trên: Chương trình số 67-CTr/TU ngày 29 tháng 4 năm 2014 thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 23/8/2016 của BCH Đảng bộ tỉnh khóa XV về nâng cao chất lượng học sinh DTTS; Nghị quyết 02-NQ/TU, ngày 06-5-2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá XVI) về nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số (DTTS) tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 83/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 về việc thông qua Đề án tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 20/1/2017 của UBND tỉnh Kon Tum về ban hành Đề án tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 2352/KH-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thực hiện CTGDPT mới trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 09-7-2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 23/2021/NQHĐND ngày 09-7-2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 13-7-2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ GDĐT (học phí) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 09-7-2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 25/NQHĐND ngày 09-7-2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển đội ngũ giáo viên mầm non và phổ thông ngành GDĐT tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 09-7-2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 28-6-2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định số học sinh trong mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 2352/KH-UBND ngày 11-9-2019 thực hiện chương trình GDPT mới trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 3511/KH-UBND ngày 17-9-2020 tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 21-01-2020 biên soạn và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương tỉnh trong Chương trình GDPT; Kế hoạch số 3188/KH-UBND ngày 14-11-2018 thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn tỉnh”; Công văn số 482/SGDĐT-GDTH ngày 21/4/2020 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn lựa chọn SGK lớp 1 năm học 2020-2021; Công văn số 372/SGDĐT-GDTH ngày 11/3/2021 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức lựa chọn, đề xuất danh mục SGK lớp 2, lớp 6 năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh; ...

- Các văn bản chỉ đạo, triển khai cấp huyện: Chương trình 66-CTr/HU ngày 25/11/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ngọc Hồi khóa VI về việc thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU (khóa XV) nâng cao chất lượng giáo dục học sinh dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020; Chương trình số 137 ngày 07/7/2014 thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong

(Văn bản phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện tại Phụ lục 1 đính kèm)

- Kết quả phát triển Đảng, công tác chính trị, tư tưởng trong các trường học. Vai trò của chi bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo:

+ Xây dựng và củng cố được môi trường giáo dục gắn kết giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc tuyên truyền, giáo dục nhằm trang bị kỹ năng sống, ý thức bảo tồn, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, xoá bỏ các hủ tục lạc hậu tại địa phương và ý thức chấp hành pháp luật, khơi dậy ý thức tự giác học tập và khát vọng vươn lên cuộc sống cho học sinh.

+ Triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 27/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và Kế hoạch chuyên đề hàng năm. Việc học tập, quán triệt thông qua các đợt bồi dưỡng chuyên đề do các cấp tổ chức; phát động, hướng dẫn cán bộ, nhà giáo và học sinh tích cực tham gia Cuộc thi trực tuyến; thông qua tài liệu tích hợp triển khai trong hoạt động dạy, học và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

+ Tất cả các cơ sở giáo dục xây dựng và triển khai Bộ Quy tắc ứng xử theo quy định tại Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT và đưa vào sử dụng trong nhà trường tài liệu về Văn hóa học đường; chú trọng xây dựng trường học đạt chuẩn xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh, thân thiện, môi trường văn hóa.

+ Cơ quan quản lý giáo dục và cán bộ quản lý giáo dục tăng cường công tác nắm bắt tình hình chính trị, tư tưởng trong cán bộ, nhà giáo và học sinh để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và xử lý kịp thời những vấn đề khó khăn, bức xúc phát sinh. Vì vậy, trong những năm qua không có những vấn đề bức xúc nổi cộm, kéo dài và tình trạng khiếu kiện, khiếu nại phức tạp.

+ Các cơ sở giáo dục quan tâm thực hiện công tác bồi dưỡng nhận thức về Đảng và công tác phát triển đảng viên trong các trường học, hiện nay có 30/33 trường học có tổ chức Đảng (*các trường MN ngoài công lập chưa có tổ chức Đảng*) với 483/849 đảng viên (*chiếm tỉ lệ 56,8%*) - trung bình phát triển thêm từ 1-3 đảng viên/năm/trường. Hàng năm 100% đảng viên, Chi bộ tại các cơ sở giáo dục đều được đánh giá, phân loại từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, có nhiều đảng viên, Chi bộ được xếp loại mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và nhận được Giấy khen của các cấp, điều đó thể hiện được vai trò lãnh đạo của chi bộ, việc tổ chức thực hiện của cán bộ, đảng viên đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào

điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Chương trình số 38-CTr/HU ngày 14-7-2021 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa VII về thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TU; Kế hoạch số 1657/KH-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện Ngọc Hồi về việc thực hiện Chương trình 66-CTr/HU ngày 25/11/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ngọc Hồi khóa VI; Kế hoạch số 1190/KH-UBND, ngày 15/12/2014 để tổ chức thực hiện 29-NQ/TW; Kế hoạch số 3290/KH-UBND ngày 17/12/2020 tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Kế hoạch số 2945/KH-UBND ngày 07/9/2021 của UBND huyện Ngọc Hồi về thực hiện Chương trình số 38-CTr/HU; Công văn số 333/UBND-TH ngày 13/3/2017 của UBND huyện Ngọc Hồi về việc triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em, học sinh DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025”; Kế hoạch số 1558/KH-UBND ngày 25/9/2019 việc thực hiện CTGDPT mới trên địa bàn huyện Ngọc Hồi; ...

tạo.

- Công tác quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của ngành, địa phương; kết quả đào tạo nguồn nhân lực: Căn cứ Chương trình, Quyết định, Kế hoạch của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh Kon Tum⁸; UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu Kế hoạch số 636/KH-UBND ngày 03/3/2021 về việc triển khai thực hiện Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”, đồng thời triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội địa phương, tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ, đồng bộ và toàn diện về chất lượng nguồn nhân lực. Trong ngành giáo dục và đào tạo, thực hiện đầy đủ, hiệu quả tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên hàng năm nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới; đến nay đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được bố trí, sắp xếp hợp lý về cơ cấu và số lượng hiện có; số đội ngũ chưa đạt chuẩn trình độ chuyên môn nghiệp vụ được khuyến khích, tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng chuẩn⁹.

- Kết quả giải quyết các hiện tượng tiêu cực kéo dài, gây bức xúc xã hội (*bệnh thành tích trong giáo dục; hiện tượng quá tải trong giáo dục; tình trạng dạy thêm, học thêm; bạo lực học đường và sự xuống cấp về đạo đức của một bộ phận học sinh*):

+ Nhờ việc thực hiện đổi mới mạnh mẽ về nội dung, chương trình dạy học, đổi mới công tác quản lý, phương pháp giảng dạy, đổi mới kiểm tra đánh giá, tăng cường phụ đạo học sinh giúp giáo viên chủ động trong việc điều chỉnh nội dung dạy học, tránh được tình trạng quá tải về nội dung, kiến thức, phù hợp với các đối tượng học sinh; học sinh chủ động, phát triển khả năng sáng tạo, tự học; quan điểm, nhận thức của giáo viên, phụ huynh về mặt trái của bệnh thành tích trong giáo dục đã có nhiều thay đổi. Vì vậy, kết quả dạy học và các hoạt động giáo dục đã đi vào thực chất, được đánh giá sát thực tế, chất lượng học tập của học sinh ở năm sau cao hơn so với năm học trước, đã hạn chế được tối đa số học sinh ngồi nhầm lớp.

+ Cơ bản công tác dạy thêm, học thêm được quản lý khá chặt chẽ; cơ quan quản lý giáo dục đã phối hợp với chính quyền địa phương các xã/thị trấn thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quy định về dạy thêm, học thêm đến từng cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh học sinh biết để thực hiện; đồng

⁸ Chương trình số 47-CTr/TU, ngày 09-4-2013 của Tỉnh uỷ về việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (Khoá XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập Quốc tế; Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc Ban hành Đề án “Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”; Kế hoạch số 1677/KH-UBND ngày 25/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc triển khai thực hiện Đề án “Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 01/KH-PGDĐT ngày 11/1/2021 về thực hiện Đề án “Phát triển nguồn nhân lực ngành GD&ĐT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”; ...

⁹ Từ 2019 có 68 người chưa đạt chuẩn theo Luật Giáo dục 2019, có 52 người tham gia đào tạo nâng chuẩn (cụ thể: bậc MN 09 người, bậc TH 29 người và bậc THCS 14 người). Đến tháng 4/2023 có 33/52 người đã tốt nghiệp Đại học.

thời tổ chức kiểm tra, chấn chỉnh, kịp thời xử lý các cá nhân vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm¹⁰.

+ Thường xuyên đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, gia đình học sinh và cộng đồng về phòng, chống bạo lực học đường, uốn nắn, giáo dục các hành vi lệch chuẩn của học sinh thông qua triển khai Bộ Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục, phát triển các câu lạc bộ của học sinh, tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động tập thể; đặc biệt trong những năm gần đây, các trường học đã tổ chức nhiều chuyên đề giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ bản thân, phòng chống xâm hại, bạo lực học đường và lồng ghép trong các hoạt động dạy học, giáo dục, hoạt động Đoàn, Đội. Tại các trường phổ thông, mỗi đơn vị đều có giáo viên làm công tác tư vấn tâm lý học sinh, thường xuyên quan tâm các em học sinh cá biệt, học sinh yếu thế để có biện pháp giáo dục, giúp đỡ, bảo vệ phù hợp. Vì vậy các vụ việc phát sinh, mâu thuẫn nhỏ giữa các học sinh và các hành vi lệch lạc về hành vi, đạo đức đã được uốn nắn, ngăn chặn, xử lý kịp thời, không để xảy ra các vụ việc lớn.

2. Về đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực người học

- Đổi mới phương pháp, hình thức dạy học:

+ Ngành Giáo dục đã đẩy mạnh chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học, chú trọng các phương pháp dạy học đặc thù bộ môn kết hợp với đa dạng hóa hình thức tổ chức học tập, hướng tới phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất học sinh. Cử thành phần tham gia làm thành viên biên soạn nội dung giáo dục địa phương trong Chương trình GDPT mới và thành viên tham gia Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa các lớp 1, 2, 3, 6, 7 theo điều động của Sở GD&ĐT Kon Tum (*mỗi môn học cử 1 người*). Ngoài việc tham gia bồi dưỡng 9 modul theo kế hoạch của cấp trên, hiện nay các trường phổ thông trên địa bàn huyện thực hiện duy trì luân phiên sinh hoạt chuyên môn theo Cụm trường, mỗi cấp TH và THCS thực hiện 1 lần/tháng/với sự tham gia của tất cả giáo viên theo bộ môn (*cấp THCS*) và tất cả giáo viên theo khối lớp (*cấp TH*) nhằm trao đổi, chia sẻ các kinh nghiệm về đổi mới phương pháp, hình thức dạy học giữa các trường.

+ Đầu mỗi năm học, được sự chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời, cụ thể của Sở GD&ĐT Kon Tum, Phòng GD&ĐT huyện đã kịp thời ban hành các văn bản

¹⁰ Công văn số 324/PGDĐT ngày 08/10/2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn dạy thêm, học thêm trên địa bàn huyện Ngọc Hồi; Quyết định số 29/QĐ-PGDĐT ngày 01/3/2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Ngọc Hồi về việc thành lập Đoàn kiểm tra dạy thêm, học thêm; Quyết định số 78/QĐ-PGDĐT ngày 26/6/2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc Kiểm tra điều kiện cấp giấy phép tổ chức dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường; Kế hoạch số 19/KH-PGDĐT ngày 06/5/2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc kiểm tra hoạt động dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường trên địa bàn huyện Ngọc Hồi, năm học 2018 – 2019; Công văn số 329/PGDĐT ngày 16/10/2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Ngọc Hồi về việc chấn chỉnh dạy thêm, học thêm từ năm học 2018-2019; Công văn số 329/PGDĐT ngày 16/10/2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Ngọc Hồi về việc chấn chỉnh dạy thêm, học thêm từ năm học 2018-2019; Công văn số 1494/UBND-TH ngày 16/9/2019 về việc chấn chỉnh tình trạng dạy thêm, học thêm (DTHT) ở các cấp học; Công văn số 627/PGDĐT ngày 11/11/2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Ngọc Hồi về việc không cấp phép dạy thêm, học thêm theo Quyết định số 2499/QĐ-BGDĐT ngày 26/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ...

hướng dẫn việc xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục của các cơ sở giáo dục. Kế hoạch giáo dục của các trường được xây dựng và thực hiện phù hợp với định hướng chỉ đạo của cấp trên và phù hợp với điều kiện thực tế. Trong quá trình thực hiện, các trường học đã chủ động, linh hoạt trong việc điều chỉnh nội dung, hình thức, phương pháp dạy học, rà soát, tinh giản những nội dung chồng chéo, trùng lặp phù hợp với mức độ học tập của học sinh.

+ Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, tăng cường các buổi phụ đạo, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình ngay trên lớp. Đối với cơ sở giáo dục chưa đủ điều kiện tổ chức dạy học 02 buổi/ngày, các cơ sở giáo dục chủ động xác định nội dung, lựa chọn hình thức tổ chức, phân bổ thời lượng phụ đạo, bồi dưỡng phù hợp cho học sinh.

- Công tác giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống: Gắn với việc tổ chức thực hiện nội dung dạy học, giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT, tăng cường giáo dục đạo đức học sinh thông qua môn học Đạo đức, Giáo dục công dân, lồng ghép trong các môn học và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hoạt động Đội – Sao, thành lập các câu lạc bộ tài năng, câu lạc bộ rèn luyện đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, câu lạc bộ ngoại ngữ, tổ chức và khuyến khích học sinh tham gia các diễn đàn, tọa đàm, ... đồng thời phối hợp với các cấp, các ngành và các địa phương trong việc tuyên truyền nhằm trang bị, giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh.

- **Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong dạy học và truyền thông về giáo dục:** Sử dụng hiệu quả các ứng dụng trên môi trường mạng như zalo, messenger, trang thông tin điện tử, ... để phổ biến, tuyên truyền đầy đủ, kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh triển khai và nâng cao hiệu quả ứng dụng các phần mềm do Bộ GD&ĐT¹¹, các ứng dụng này đã góp phần phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý các trường, hỗ trợ đắc lực trong công tác quản lý, điều hành của ngành, duy trì tính liên thông và tập trung thông tin, cơ sở dữ liệu từ cấp trường, Phòng GD&ĐT và cơ quan quản lý cấp trên. Đặc biệt, trong những năm học vừa qua, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, ngành giáo dục huyện đã có nhiều đổi mới, sáng tạo trong việc đa dạng hoá các hình thức dạy học, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, chuyển đổi số, vận dụng triệt để ưu điểm của các phần mềm hỗ trợ trong soạn giảng, dạy học trực tuyến, đánh giá học sinh.

- **Công tác giáo dục quốc phòng, an ninh (GDQPAN):** Các trường phổ thông triển khai xây dựng kế hoạch, triển khai giảng dạy lồng ghép GDQPAN theo Thông tư 01/2017/TT-BGD&ĐT¹² và các văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT. Triển khai thực hiện dạy học GDQPAN theo sách giáo khoa mới (*lớp 1, 2, 3, 6, 7*). Trên cơ sở mục tiêu và nội dung bài học, giáo viên lồng ghép nội

¹¹ Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm hệ thống quản lý nhà trường (SMAS), hệ thống phần mềm phổ cập giáo dục - xóa mù chữ, tài khoản Office 365, Google Classroom, hệ thống LMS, hệ thống bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý (TEMIS), hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice, ...

¹² Thông tư 01/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc Hướng dẫn giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trung học cơ sở.

dung GDQPAN ngắn gọn, dễ nhớ, dễ hiểu, phù hợp với đặc điểm và trình độ học sinh.

- Dạy ngoại ngữ, tin học:

+ Hiện nay, đang triển khai thực hiện dạy học tiếng Anh bắt buộc theo Chương trình 2018 đối với các lớp 3, 6, 7, tự chọn lớp 1, 2 và hệ 7 năm, 10 năm đối với các khối lớp 4, 5, 8, 9. Dạy học Tin học bắt buộc theo Chương trình 2018 đối với các lớp 3, 6, 7, tự chọn lớp 8, 9.

+ Đội ngũ giáo viên dạy tiếng Anh, Tin học hiện có đáp ứng yêu cầu trình độ, năng lực dạy học ở các cấp học (*100% giáo viên tin học đạt trình độ chuẩn, giáo viên tiếng Anh đạt chuẩn về năng lực bậc B2*). Số trang thiết bị dạy học tiếng Anh từng bước được trang bị bổ sung như máy chiếu Project, tivi màn hình lớn, máy vi tính.

+ Các hoạt động chuyên môn ngày càng đi vào chiều sâu và đạt nhiều kết quả tích cực. Nhìn chung, chất lượng dạy - học ngoại ngữ ngày một nâng lên, các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của học sinh ngày càng được củng cố và nâng cao thể hiện qua số lượng tham gia, kết quả đạt được của các cuộc thi, hội thi bằng tiếng Anh hàng năm¹³.

+ Sự phát triển số lượng của một số Trung tâm ngoại ngữ ngoài công lập trên địa bàn huyện cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho số học sinh cấp MN, TH được tiếp cận, nâng cao kiến thức, kỹ năng giao tiếp tiếng Anh (*hiện trên địa bàn huyện có 2 Trung tâm*).

Tuy nhiên, hiện nay cơ sở hạ tầng CNTT của các trường còn thiếu, trang bị không đồng bộ, hầu hết các đơn vị trường học chưa có phòng dạy ngoại ngữ, tin học riêng, số lượng giáo viên tiếng Anh, Tin học hiện chưa đủ để dạy theo Chương trình GDPT 2018, đa số học sinh vùng DTTS chưa có điều kiện trang bị thiết bị học tập trên môi trường số, kỹ năng sử dụng, khai thác tư liệu học tập thông qua các phần mềm, qua mạng internet của học sinh vẫn còn nhiều hạn chế.

- Dạy tiếng nói và chữ viết của các DTTS cho học sinh: Địa phương không triển khai.

- Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS¹⁴:

¹³ Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tiếng Anh cấp cụm theo từng bậc học; có nhiều học sinh tham gia các hội thi, giao lưu học sinh giỏi tiếng Anh, OTE, giải tiếng Anh qua mạng Internet các cấp.

¹⁴ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 790/KH-UBND ngày 22/03/2022 của UBND tỉnh Kon Tum Triển khai, thực hiện Giai đoạn 2 Đề án "Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025" trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ tỉnh Kon Tum; Chương trình số 38-CTr/HU ngày 14-7-2021 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa VII về thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TU; Kế hoạch số 2945/KH-UBND ngày 07/9/2021 của UBND huyện Ngọc Hồi về thực hiện Chương trình số 38-CTr/HU; Kế hoạch số 1358/KH-UBND, ngày 17/05/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi (UBND) về việc Triển khai, thực hiện Giai đoạn 2 Đề án "Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025" trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ huyện Ngọc Hồi, Công văn số 2295/UBND-TH ngày 01/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đẩy mạnh việc triển khai thực hiện tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học

+ Xây dựng môi trường tiếng Việt để tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS: Tổ chức trang trí lớp học nhằm tạo ra môi trường học tập thân thiện, gần gũi, tích cực cho học sinh, tạo cho học sinh có thói quen và trách nhiệm với các hoạt động của lớp. Phát huy khả năng tương tác giữa giáo viên với học sinh và học sinh với học sinh.

+ Đối với bậc Mầm non: Đối tượng thực hiện gồm trẻ mầm non 3 đến 5 tuổi DTTS học ở các trường mầm non công lập. Nội dung thực hiện gồm dạy tập nói tiếng Việt vào các buổi sáng từ thứ hai đến thứ năm hàng tuần và tăng cường 3 tiết/ buổi vào các buổi chiều hàng tuần, nội dung chủ yếu ôn tập nói Tiếng Việt, hoạt động âm nhạc, văn học, chữ viết.

+ Đối với bậc Tiểu học: Đối tượng thực hiện là học sinh DTTS tại các trường tiểu học. Nội dung thực hiện gồm tăng cường tiếng Việt cho học sinh trước khi vào lớp 1 (*thực hiện tuần làm quen với tiếng Việt, kỹ năng giao tiếp và phát triển cho trẻ những kỹ năng cơ bản như nghe, nói, tiền đọc, tiền viết, cách cầm bút, vở, tư thế ngồi viết, ...*); tăng cường tiếng Việt thông qua các hoạt động ngoại khóa, hoạt động cộng đồng, hoạt động trải nghiệm nhằm thúc đẩy kỹ năng đọc- viết cho học sinh; triển khai thí điểm mô hình “*Vui học tiếng Việt*” nhằm tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học tại Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc; tăng cường tiếng Việt ở buổi thứ 2 (*buổi chiều*), sử dụng ít nhất 4 tiết/tuần tổ chức hoạt động trải nghiệm nhằm hỗ trợ học sinh DTTS học tiếng Việt bằng môi trường giao tiếp mới, ngoài môi trường giao tiếp về các bài học nhằm giúp học sinh có cơ hội giao lưu và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt.

+ Đối với bậc THCS: Đối tượng thực hiện là học sinh DTTS tại các trường THCS, TH-THCS. Ngoài các tiết dạy chính khóa, các nhà trường sắp xếp, bố trí giáo viên thực hiện các tiết dạy phụ đạo những nội dung kiến thức học sinh còn yếu vào chèo buổi theo thời khóa biểu với các chuyên đề, chủ đề cụ thể phù hợp với đối tượng HS DTTS. Thực hiện các tiết dạy bồi dưỡng học sinh giỏi các cấp cho học sinh DTTS vào chèo buổi với các chuyên đề, chủ đề phù hợp (*Kết hợp bồi dưỡng trực tiếp tại trường và trực tuyến trên các phần mềm Zoom, Office 365..*), đồng thời, giáo viên chủ động, bố trí thêm thời gian để tăng cường việc bồi dưỡng HS DTTS ở các ngày khác trong tuần.

+ Kinh phí hỗ trợ giáo viên thực hiện: Thực hiện theo Quyết định 720/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS trên địa bàn tỉnh Kon Tum tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (*Thống kê về kinh phí tại Phụ lục 6a và 6b kèm theo*).

- Kết quả triển khai, kết quả nổi bật cụ thể cho giáo dục mầm non,

sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2020-2025; Kế hoạch số 563/KH-PGDĐT ngày 08/10/2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai các hoạt động tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số lớp 1, lớp 2 năm học 2020-2021; Kế hoạch 08/KH-PGDĐT ngày 09 tháng 2 năm 2017 của Phòng GD&ĐT về việc thực hiện nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 19/KH-PGDĐT ngày 06 tháng 4 năm 2017 của Phòng GD&ĐT về việc thực hiện đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020 định hướng đến 2025”; ...

phổ thông:

+ Đối với giáo dục Mầm non: Tiếp tục triển khai thực hiện “Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025”; chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ các trường mầm non phát triển Chương trình giáo dục của nhà trường phù hợp với văn hóa, điều kiện thực tế của địa phương. Tập trung đổi mới phương pháp dạy học theo quan điểm giáo dục “Lấy trẻ làm trung tâm”, thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo hình thức nghiên cứu bài học nhằm góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, thực hiện tốt chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” và triển khai có hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non sau sửa đổi.

+ Đối với giáo dục phổ thông: Tập trung chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục và đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; tăng cường các hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của học sinh; tiếp tục điều chỉnh nội dung dạy học theo các chủ đề học tập phù hợp với đối tượng học sinh nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục; vận dụng các yếu tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm tiếp cận định hướng Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và nâng cao chất lượng giáo dục. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, quản lý dạy và học; duy trì các tổ tư vấn dạy học, trong đó chú trọng việc triển khai dạy học cho lớp 3, lớp 7 để nắm bắt tình hình, chỉ đạo, điều chỉnh kịp thời. Tiếp tục chuẩn bị các điều kiện cần thiết đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018: rà soát cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; tham mưu việc chọn sách giáo khoa; bồi dưỡng, tập huấn giáo viên sử dụng sách giáo khoa; bồi dưỡng đại trà cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

(Chi tiết về chất lượng giáo dục tại Phụ lục 9 kèm theo)

3. Về đổi mới căn bản về hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan

+ Thực hiện đổi mới thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của học sinh từ việc xây dựng kế hoạch, triển khai dạy học theo hướng tăng cường, phát huy tính chủ động, tích cực cho học sinh, thiết kế tiến trình dạy học thành các hoạt động học để thực hiện cả ở trên lớp và ngoài lớp học; thực hiện một số bài tích hợp dưới dạng dạy học chủ đề; đổi mới sinh hoạt chuyên môn, tăng cường tiết dạy minh họa; quy định thời gian học, các hình thức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, giữa kỳ của từng môn học¹⁵.

+ Chú trọng kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của học sinh bằng nhiều hình thức khác nhau: hoạt động trên lớp, đánh giá qua hồ sơ học tập, đánh giá qua việc báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập; đánh giá qua bài thuyết trình,...

¹⁵ Cấp TH: Theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học (lớp 1, 2, 3); Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGD&ĐT ngày 28/9/2016 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học (lớp 4, 5). Cấp THCS: Theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011, Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 và Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT về việc quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

Riêng đánh giá định kỳ, các đơn vị thực hiện nghiêm túc từ khâu ra đề, kiểm tra, kết hợp hợp lý giữa hình thức tự luận với trắc nghiệm khách quan, giữa kiểm tra lý thuyết và kiểm tra thực hành trong các bài kiểm tra, tiếp tục nâng cao vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn, tăng cường câu hỏi mở gắn với giải quyết những vấn đề cụ thể trong thực tiễn. Nhìn chung, các nhà trường thực hiện nghiêm túc kiểm tra, đánh giá học sinh, đảm bảo khách quan, chính xác, gọn nhẹ, giảm áp lực; qua hoạt động kiểm tra, đánh giá, đã kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục học sinh.

4. Về hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập

- Kết quả hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng (TTHTCĐ):

+ Trên địa bàn huyện có 8/8 xã, thị trấn có TTHTCĐ, hầu hết UBND các xã, thị trấn đã quan tâm, tạo điều kiện phân khai kinh phí cho hoạt động của các trung tâm đảm bảo theo quy định¹⁶; một số trung tâm đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, huy động mọi người dân tham gia học tập theo kế hoạch, có sự tham gia của các cơ quan chuyên môn, tổ chức¹⁷. Một số nhiệm vụ được thực hiện tốt như: tạo điều kiện cho mọi đối tượng có nhiều cơ hội học tập, trao đổi kinh nghiệm, giao lưu văn hoá thể dục thể thao, ... Công tác kiện toàn cán bộ quản lý trung tâm đã được các cấp chính quyền quan tâm thực hiện.

+ Tuy nhiên, hầu hết cán bộ quản lý trung tâm thực hiện theo chế độ kiêm nhiệm (*lại thường xuyên thay đổi vị trí công tác*) nên chưa có nhiều thời gian dành cho hoạt động ở trung tâm, công tác chuyên môn, nghiệp vụ cũng như kỹ năng tổ chức hoạt động của một số trung tâm còn lúng túng, nội dung hoạt động chưa đa dạng, chưa thu hút được nhiều người dân tham gia học tập tại trung tâm. Một số bộ phận cán bộ, nhân dân còn xem nhẹ về vai trò, ý nghĩa của việc xây dựng xã hội học tập ở cơ sở, đây là một trong những trở ngại lớn trong quá trình hoạt động, nên ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng hoạt động của trung tâm. Cơ sở vật chất, kinh phí ngân sách nhà nước cấp chưa đáp ứng đủ nhu cầu hoạt động thực tiễn của các trung tâm. Sở quản lý tài chính, quản lý tài sản của trung tâm còn chung với UBND các xã, thị trấn, các trung tâm chưa có tài khoản riêng.

- Về công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh: Nhìn chung, trong thời gian qua công tác giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh sau TN THCS trên địa bàn huyện đã được các cấp cấp ủy, chính quyền địa phương và các cơ quan, ban ngành quan tâm, bước đầu đã tạo ra được những chuyển biến tích cực trong nhận thức của phụ huynh, học sinh và toàn xã hội về việc chọn trường, chọn nghề, chọn hướng đi sau TN THCS phù hợp với nhu cầu xã hội và năng lực của từng học sinh; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học gắn với giáo dục hướng nghiệp tại các đơn vị tương đối đầy đủ, các trường sử dụng phòng y tế hoặc

¹⁶ Thông tư số 96/2008/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính; Công văn số 751/UBND-KTTH ngày 11/5/2012 của UBND tỉnh Kon Tum về kinh phí hoạt động cho các Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn.

¹⁷ Kế hoạch số 3501/KH-UBND ngày 13/10/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn huyện Ngọc Hồi.

phòng truyền thông Đội làm phòng tư vấn. Riêng tài liệu, giáo trình, sách cho giáo viên dạy giáo dục hướng nghiệp đã tự trang bị, đáp ứng được cho công tác giáo dục định hướng nghề nghiệp, phân luồng học sinh. Các trường THCS trên địa bàn huyện đã bố trí giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp, được tập huấn, bồi dưỡng cơ bản đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ. Kết quả năm học 2020-2021 có 135/869 học sinh tốt nghiệp THCS đăng ký học nghề, trong đó học sinh dân tộc thiểu số là 85/408 em. Năm học 2021-2022 có 268/921 học sinh tốt nghiệp THCS đăng ký học nghề, trong đó học sinh DTTS là 131/495 em, tăng so với năm học trước.

- Chủ trương khuyến khích xã hội hoá để đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống trường lớp và các trường ngoài công lập:

+ Ngoài nguồn vốn ngân sách được giao, ngành giáo dục đã tăng cường huy động các nguồn tài trợ, viện trợ, các nguồn lực xã hội đầu tư cho giáo dục, nguồn huy động được chủ yếu để sửa chữa nhỏ và trang bị cơ sở vật chất, bổ sung các trang thiết bị dạy học và trang phục, đồ dùng học tập cho học sinh; tổng số quy đổi hàng năm từ 300-500 triệu đồng. Việc huy động xã hội hoá, tiếp nhận hàng tài trợ được các trường thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không để xảy ra tình trạng lạm thu, gây dư luận bức xúc trong nhân dân. Tuy nhiên nguồn huy động được vẫn còn hạn chế, chưa đồng đều giữa các trường, các địa phương, nguyên nhân do điều kiện mặt bằng kinh tế của nhân dân trên địa bàn còn thấp, đời sống nhân dân vùng đồng bào DTTS còn nhiều khó khăn.

+ Trong những năm qua, tiếp tục duy trì hệ thống các trường ngoài công lập (*03 trường mầm non*), các trường ngoài công lập coi trọng đầu tư, nâng cấp các điều kiện chăm sóc, giáo dục trẻ, thu hút ngày càng cao số lượng học sinh vào trường, góp phần giảm áp lực cho các trường công lập.

5. Về đổi mới công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng

- Những kết quả nổi bật trong đổi mới công tác quản lý giáo dục; việc phân cấp quản lý, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục:

+ Đổi mới công tác quản lý đối với các đơn vị trường học theo hướng tăng cường phân cấp quản lý, tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị trong việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục, đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị của đội ngũ CBQL theo đúng các quy định của Nhà nước¹⁸; có 100% số

¹⁸ Nghị định 115/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý Nhà nước về giáo dục và Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BGDĐT-BNV của Liên Bộ (Bộ GD&ĐT - Bộ Nội vụ) về phân cấp quản lý trong giáo dục, phân cấp quản lý cho các trường trên nguyên tắc tăng quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm (nay được thay thế bằng Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ và Thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 5 năm 2020 của Bộ GD&ĐT); Quyết định 29/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

trường học trên địa bàn hoàn thành xây dựng Đề án vị trí việc làm theo đúng hướng dẫn, thực hiện công khai hóa về chất lượng giáo dục.

+ Tăng cường công tác kiểm tra (*Kiểm tra chuyên ngành, kiểm tra hành chính, kiểm tra các kỳ thi*) nhằm chấn chỉnh các sai phạm trong hoạt động giáo dục, ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực trong giáo dục; cơ chế tiếp nhận và xử lý thông tin hiện nay được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin, mạng internet; chế độ thông tin, báo cáo đảm bảo kịp thời, chặt chẽ, thông suốt và hiệu quả.

- Việc ban hành văn bản, quy chế, công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo với chính quyền địa phương: Trong các văn bản chỉ đạo, điều hành về giáo dục và đào tạo có tính quan trọng, xuyên suốt¹⁹, Huyện uỷ, UBND huyện đã chỉ đạo, giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các nhiệm vụ cụ thể, qua đó các các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, hàng năm ngành giáo dục huyện cũng đã ký chương trình phối hợp với Huyện đoàn trong công tác chăm sóc, giáo dục thanh thiếu nhi.

- Xây dựng quy hoạch và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; thực hiện chuẩn hoá đội ngũ nhà giáo: Việc xây dựng kế hoạch biên chế, trường lớp, đội ngũ, kế hoạch bồi dưỡng giáo viên được thực hiện cụ thể hàng năm, theo giai đoạn, qua đó xây dựng kế hoạch tuyển dụng số đội ngũ còn thiếu²⁰ và cử giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ chuyên môn tham gia các lớp nâng chuẩn theo quy định. Trong đó, ưu tiên tuyển dụng và đào tạo, bồi dưỡng số giáo viên thực hiện dạy học chương trình, sách giáo khoa mới²¹.

- Thực hiện các chế độ, chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

+ Triển khai đầy đủ các chế độ, chính sách của Nhà nước dành cho nhà giáo công tác tại vùng khó khăn, đã quan tâm ưu tiên bố trí số giáo viên người DTTS tại chỗ công tác gần nơi cư trú để giáo viên yên tâm công tác ổn định lâu dài; hàng năm xem xét luân chuyển theo quy định đối với số giáo viên có đủ thời gian công tác tại vùng khó khăn, tạo được sự công bằng trong việc thụ hưởng các chế độ và phân công công tác.

+ Hàng năm thực hiện nghiêm túc, đúng quy định về đánh giá, phân loại chất lượng đội ngũ (*đánh giá viên chức, đánh giá chuẩn cán bộ quản lý, giáo viên*), qua đó làm căn cứ để giải quyết nghỉ chế độ theo quy định hoặc bố trí công

¹⁹ Chương trình 66-CTr/HU ngày 25/11/2016, Chương trình số 137 ngày 07/7/2014, Chương trình số 38-CTr/HU ngày 14-7-2021, Kế hoạch số 1657/KH-UBND ngày 30/12/2016, Kế hoạch số 1190/KH-UBND, Kế hoạch số 2945/KH-UBND, ...

²⁰ Kế hoạch số 3517/KH-UBND ngày 14/10/2021 của UBND huyện Ngọc Hồi về triển khai thực hiện Đề án phát triển đội ngũ giáo viên mầm non, phổ thông ngành giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Hiện nay đang thực hiện tuyển dụng theo Kế hoạch số 3620/KH-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện về tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp huyện Ngọc Hồi năm 2022.

²¹ Trong 10 năm qua đã tuyển dụng bổ sung 130 giáo viên; cử 52/68 giáo viên chưa đạt chuẩn theo Luật Giáo dục 2019 tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng. Đến tháng 4/2023 có 17/35 giáo viên đã tốt nghiệp Đại học.

tác khác phù hợp, đến cuối năm học 2021-2022 đã tinh giản biên chế được 64 người, trong đó có 03 CBQL (*cấp tiểu học*), 37 giáo viên (*bậc mầm non 04 giáo viên, bậc tiểu học 26 giáo viên, THCS 07 giáo viên*) và 24 nhân viên (*bậc mầm non 07 người, bậc tiểu học 09 người, bậc THCS 08 người*). Hiện nay, đang thực hiện nghỉ chế độ, tinh giản biên chế theo quy định đối với cán bộ quản lý, giáo viên lớn tuổi, năng lực công tác không đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ.

Tuy nhiên, hiện nay một số chế độ chính sách cho giáo viên vùng đặc biệt khó khăn hết hiệu lực theo quy định của nhà nước (*như chế độ theo Nghị định 116/2010/NĐ-CP*), dẫn đến khó khăn trong việc thu hút, luân chuyển giáo viên đến công tác tại xã khó khăn.

6. Về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

- **Đánh giá về số lượng, chất lượng (*thừa, thiếu, dự báo nhu cầu*):** thời điểm báo cáo, ngành giáo dục có 871 người; trong đó 74 cán bộ quản lý, 757 giáo viên, 40 nhân viên, đa số đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đều đạt trình độ chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, có kỹ năng lãnh đạo quản lý, kỹ năng sư phạm²². Để đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới, so với nhu cầu hiện nay, toàn ngành còn thiếu 150 giáo viên²³, trong đó bậc mầm non thiếu 95 giáo viên, bậc tiểu học thiếu 35 giáo viên (*08 giáo viên Tin học- Công nghệ, 03 giáo viên tiếng Anh, 02 giáo viên GDTC, 04 giáo viên Âm nhạc, 18 giáo viên đa môn*), bậc THCS thiếu 15 giáo viên (*02 giáo viên tiếng Anh, 02 giáo viên Toán, 01 giáo viên Mỹ thuật, 01 giáo viên Tin học, 01 giáo viên Ngữ văn, 06 giáo viên Lịch sử - Địa lý, 07 giáo viên Khoa học tự nhiên*). Hiện nay, toàn ngành còn 17 biên chế chưa tuyển dụng, dự kiến đề xuất tuyển dụng trong hè năm 2023 để bổ sung cho số giáo viên thiếu năm học 2023-2024.

- **Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giáo viên:** Thực hiện đầy đủ, kịp thời nhiệm vụ tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tiếp tục khuyến khích, tạo điều kiện cho số giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng chuẩn (*trong 03 năm qua chuẩn hóa thêm 33 giáo viên, hiện còn 31 giáo viên các cấp học đang tham gia học nâng chuẩn, 04 giáo viên đăng ký nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 143/2020/NĐ-CP nên không tham gia học nâng chuẩn*). Triển khai bố trí đội ngũ giáo viên đi đào tạo, bồi dưỡng kịp thời theo hướng dẫn của Sở

²² Cán bộ quản lý: Trình độ Thạc sỹ 01/74 người, tỷ lệ 1,35%; Trình độ Đại học 73/74 người, tỷ lệ 98,65%. 100% có chứng chỉ nghiệp vụ quản lý giáo dục và trình độ lý luận chính trị từ Trung cấp trở lên.

- Giáo viên: Trình độ Đại học 673/757 người, tỷ lệ 88,90 %; Trình độ Cao đẳng 72/757 người, tỷ lệ 9,52%; Trình độ Trung cấp 12/757 người, tỷ lệ 1,58%. Chưa tính 22 giáo viên mới tuyển.

- Tổng số đảng viên với 483/849 đảng viên, tỉ lệ 56,8%.

²³ Theo Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 03 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

GD&ĐT Kon Tum²⁴, theo đó, năm 2021 đã đăng ký 02 giáo viên tham gia học văn bằng 2, 09 giáo viên đăng ký bồi dưỡng tín chỉ Tin học; năm 2022 đăng ký 14 giáo viên bồi dưỡng tín chỉ Tin học, 09 giáo viên bồi dưỡng nhóm môn Khoa học-Tự nhiên và 09 giáo viên bồi dưỡng nhóm môn Lịch sử - Địa lý. Tuy nhiên, đến nay các giáo viên này vẫn chưa đi đào tạo, bồi dưỡng, do cơ sở đào tạo chưa đủ số lượng người để mở lớp.

7. Về đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo

- Đánh giá hiện trạng trường lớp, trang thiết bị trong toàn ngành:

+ Cấp mầm non: Số phòng học hiện có 161 phòng, trong đó, có 55 phòng học kiên cố, 106 phòng học bán kiên cố. Nhu cầu cấp bách cần xây mới thêm 6 phòng học (*MN Bờ Y 01, MN Chợ Rao 02, MN Đăk Dục 01, MN Đăk Xú 01, MN Sơn Ca 01*) và 2 khu hiệu bộ (*MN Chợ Rao, MN Đăk Dục*).

+ Cấp Tiểu học: Số phòng học hiện có 237 phòng, trong đó, có 135 phòng học kiên cố, 95 phòng học bán kiên cố, 05 phòng học tạm (*TH Đăk Nông*) và 08 phòng học mượn (*TH Trần Quốc Toàn 02, Nguyễn Bá Ngọc 02, Nguyễn Văn Trỗi 02* và *TH Nguyễn Huệ 02*). Nhu cầu cấp bách cần xây mới thêm 11 phòng học (*TH Số 2 – 02 phòng, TH Nguyễn Văn Trỗi 02, TH Đăk Ang 01, TH Nguyễn Bá Ngọc 02, TH Bé Văn Đàn 04*), 11 phòng bộ môn (*TH Số 1 – 02 phòng, TH Số 2 – 02 phòng, TH Nguyễn Văn Trỗi 02, TH Lê Văn Tám 02, TH Nguyễn Huệ 02, TH Kim Đồng 01*).

+ Cấp THCS: Số phòng học hiện có 137 phòng, trong đó, có 115 phòng học kiên cố, 22 phòng học bán kiên cố, không còn phòng học tạm, mượn. Nhu cầu cấp bách cần xây mới thêm 12 phòng học (*THCS Thị trấn 06, TH-THCS Đăk Nông 06*) và 04 phòng bộ môn (*TH-THCS Lý Tự Trọng 02, TH-THCS Đăk Nông 02*).

+ Đánh giá về trang thiết bị: Trang thiết bị dạy học trong nhiều năm chưa được đầu tư mua sắm bổ sung, số hiện có của ngành đã lạc hậu, không đáp ứng được yêu cầu triển khai thực hiện tốt đổi mới chương trình giáo dục mầm non, phổ thông.

+ Khó khăn: Hiện nay về phòng học cơ bản được bố trí hợp lý để duy trì dạy học, tuy nhiên nhiều phòng học đã xuống cấp do xây dựng từ lâu; khối phòng học bộ môn, phòng hỗ trợ học tập, nhà đa năng, bếp ăn, ... tại một số trường chưa được đầu tư xây dựng; thiết bị dạy học hiện có đã được trang bị từ lâu, đã lạc hậu; các thiết bị bên trong của các phòng chức năng (*tin học, ngoại ngữ, thiết bị thí nghiệm, thực hành, thư viện, ...*) trang bị chưa đầy đủ, chưa đồng bộ, trang bị thiết bị, đồ dùng dạy học lớp 2, lớp 6 cấp còn chậm (*Sở GD&ĐT đã cấp được khoảng 50%, số còn lại đang thực hiện*). Nhà vệ sinh, giếng nước, tường rào, bàn ghế học

²⁴ Công văn số 1818/SGDĐT-TCCB ngày 11/10/2021 của Sở GD&ĐT Kon Tum về việc báo cáo danh sách cán bộ quản lý và giáo viên bố trí đi đào tạo nâng chuẩn, văn bằng 2 năm 2021; Công văn số 354/SGDĐT-TCCB ngày 28/2/2022 của Sở GD&ĐT Kon Tum về việc tiếp tục chuẩn bị đội ngũ giáo viên triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 3517/KH-UBND ngày 14/10/2021 của UBND huyện Ngọc Hồi về triển khai thực hiện Đề án phát triển đội ngũ giáo viên mầm non, phổ thông ngành giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

sinh, giáo viên đã được xây dựng, trang bị nhiều năm, đã xuống cấp hoặc qua nhiều lần sửa chữa nên cần phải thay thế, sửa chữa.

(Có bảng tổng hợp nhu cầu sửa chữa, xây mới cơ sở vật chất kèm theo)

- Huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo²⁵: Công tác huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục đã được địa phương và ngành Giáo dục quan tâm thực hiện, số lượng huy động tăng lên hàng năm, chủ yếu huy động nguồn đóng góp của phụ huynh học sinh, các nhà hảo tâm để mua sắm trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho việc học của học sinh (*ti vi, rèm cửa, ...*), mua sắm đồ dùng, đồ chơi ở bậc mầm non và sửa chữa nhỏ một số công trình trong nhà trường (*sân trường, nhà vệ sinh, bàn ghế, ...*); một số cơ sở giáo dục kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp trong cả nước hỗ trợ học sinh quần áo, sách giáo khoa, vở viết, ... Tuy nhiên, nguồn lực huy động được vẫn còn thấp so với nhu cầu của các trường.

- Về chế độ, chính sách cho học sinh: Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách cho học sinh, cụ thể: Chính sách phát triển giáo dục mầm non (*hỗ trợ tiền ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo; chính sách đối với giáo viên mầm non; ...*) theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020 của Chính phủ; Chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; Chính sách hỗ trợ cho học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; Chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ; Chính sách giáo dục đối với học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Liên Bộ GD&ĐT, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính²⁶.

- Tổng chi ngân sách cho giáo dục hàng năm so với yêu cầu tối thiểu

²⁵ Nghị quyết 35/NQ-CP ngày 4/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025; Kế hoạch số 1588/KH-UBND ngày 18/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2019 – 2025; Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Hướng dẫn số 1314/SGDĐT-KHTC ngày 23/9/2020 của Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum về Hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi trong các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập đến hết năm 2020; Hướng dẫn số 1111/SGDĐT-KHTC ngày 28/8/2019 của Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum về Hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi trong các cơ sở giáo dục và đào tạo năm học 2019-2020; ...

²⁶ Kết quả thực hiện học kỳ 1, năm học 2022-2023: Kinh phí thực hiện chi trả học bổng và hỗ trợ mua sắm phương tiện đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật học kỳ I năm học 2022-2023: 229.372.000 đồng (44 học sinh); Kinh phí thực hiện hỗ trợ ăn trưa, chính sách hỗ trợ tổ chức nấu ăn cho trẻ em và chính sách đối với giáo viên mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP học kỳ I năm học 2022-2023: 462.880.000 đồng (662 học sinh); Kinh phí thực hiện Nghị định 116/2016/NĐ-CP học kỳ I năm học 2022-2023: 2.451.488.000 đồng (804 học sinh); Kinh phí thực hiện Nghị định 57/2017/NĐ-CP học kỳ I năm học 2022-2023: 321.840.000 đồng (145 học sinh); Kinh phí thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ: 1.578.672.000 đồng (2.419 học sinh); Kinh phí thực hiện Chính sách đối với giáo viên mầm non dạy lớp ghép, tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số: 41.400.000 đồng (23 giáo viên).

20% tổng chi ngân sách:

+ Tổng chi thường xuyên ngân sách cho giáo dục và đào tạo thực hiện năm 2020 chiếm tỷ lệ 37,4% trên tổng số chi ngân sách của địa phương (140.266 trđ/374.395trđ); năm 2021 chiếm tỷ lệ 40,6% (153.994trđ/379.236trđ); ước thực hiện năm 2022 chiếm tỷ lệ 47,7% (164.028trđ/343.422trđ). Điều này cho thấy chi thường xuyên ngân sách cho giáo dục và đào tạo chiếm tỷ trọng lớn trên tổng chi ngân sách huyện và tăng tỷ lệ tăng qua các năm trên 3%.

+ Năm 2022 và 2023, HĐND, UBND huyện phân bổ dự toán sự nghiệp giáo dục cho các trường học trực thuộc đảm bảo tỉ lệ chi thường xuyên (*ngoài chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương*) là 15%.

+ Tình hình giao quyền tự chủ tài chính cho các cơ sở giáo dục công lập: Trong tổng số 30 cơ sở giáo dục công lập trực thuộc, có 28 đơn vị sự nghiệp do ngân sách bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên và 02 đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi hoạt động (*MN Hoa Hồng tự chủ 50%, MN Bình Minh tự chủ 30%*).

(Chi tiết kinh phí tại các Phụ lục 6a, 6b kèm theo)

8. Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý

Duy trì, phát triển phong trào nghiên cứu khoa học, xây dựng đề tài sáng kiến kinh nghiệm trong ngành giáo dục²⁷. Chỉ đạo các trường học tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, đa dạng hóa các hình thức học tập, chú ý các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh, đặc biệt là cấp THCS. Tổ chức các hoạt động phát triển năng lực học sinh như: nghiên cứu khoa học kỹ thuật, vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các tình huống thực tiễn, thi hùng biện Tiếng Anh, thuyết trình văn học,... Đa số các đơn vị trường học đã tổ chức, tham gia tích cực các hoạt động giáo dục này, bước đầu đạt kết quả đáng khích lệ. Trong những năm qua, toàn ngành đã có nhiều đề tài sáng kiến kinh nghiệm được các cấp đánh giá xếp loại Khá, Tốt.

9. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong GDDT

Duy trì các hoạt động thường niên giữa hai trường THCS Bờ Y và Trường THCS-THPT Nang Hèo, huyện Phu Vông, tỉnh Attapu, nước CHDCND Lào. Hàng năm, đều xây dựng kế hoạch, chương đoàn ra, đoàn vào định kỳ, mặc dù thời gian gần đây bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 nhưng hai huyện và hai trường học vẫn thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin qua các hình thức phù hợp.

10. Các mô hình nổi bật

²⁷ Thống kê công nhận trong 3 năm học gần nhất: Năm học 2018-2019 có 65 sáng kiến cấp huyện, 3 cấp tỉnh; Năm học 2019-2020 có 97 sáng kiến cấp huyện; Năm học 2020-2021 có 139 sáng kiến cấp huyện, 25 cấp tỉnh; Năm học 2021-2022 có 167 sáng kiến cấp huyện, 71 sáng kiến và bài giảng học liệu số cấp tỉnh.

* Phong trào xây dựng “Nhà vệ sinh thân thiện”²⁸

- Cách làm: Lòng ghép trong các tiết chào cờ đầu tuần, hoạt động ngoài giờ lên lớp và trong các tiết học để thường xuyên thực hiện hoạt động giáo dục ý thức, rèn luyện kỹ năng giữ gìn vệ sinh cho học sinh, bao gồm: Những hiểu biết về vệ sinh nói chung, kiến thức vệ sinh cá nhân, vệ sinh công cộng; các kỹ năng sử dụng nhà vệ sinh và các công trình vệ sinh khác. Duy trì tổ chức các hoạt động lao động vệ sinh; các quy định, quy tắc về công tác vệ sinh và nề nếp vệ sinh trong nhà trường. Huy động các nguồn lực hợp pháp để sửa chữa, xây mới nhà vệ sinh cho học sinh. Đảm bảo các nhà vệ sinh trong trường học sạch sẽ, đủ để học sinh sử dụng.

- Kết quả: Kết thúc năm học 2018-2019, tất cả các trường học trên địa bàn huyện đã xây dựng được các nhà vệ sinh thân thiện. Học sinh có kiến thức, kỹ năng trong công tác giữ gìn vệ sinh nói chung; đa số các em có hành vi, ý thức bảo quản và sử dụng nhà vệ sinh, duy trì tốt nề nếp vệ sinh trong nhà trường. Tất cả các nhà vệ sinh dành cho học sinh đã được tu sửa kịp thời từ nguồn vốn nhà nước và nguồn xã hội hoá, các nhà vệ sinh đều có hệ thống nước; có vòi nước để xịt rửa và xà phòng để rửa tay sau khi đi vệ sinh. Nhiều trường học đã vẽ trang trí lên tường nhà vệ sinh bằng những hình ảnh sinh động, phù hợp với lứa tuổi học sinh hoặc được quét vôi, sơn màu, không để xảy ra ẩm mốc, thấm dột. Tất cả các nhà vệ sinh đều được trang bị bảng hướng dẫn kỹ năng, nội quy sử dụng, được treo ở vị trí hợp lý để nhắc nhở học sinh trong quá trình sử dụng. Xung quanh các nhà vệ sinh được các trường trồng cây xanh, trồng hoa ven lối vào nhà vệ sinh; một số trường còn bố trí các chậu hoa, cây xanh, treo gương để chỉnh trang trang phục sau khi đi vệ sinh.

* Phong trào “Điều em muốn nói”²⁹

- Cách làm: Nhằm khuyến khích, tạo cơ hội để các em học sinh được bày tỏ ý kiến, tâm tư, nguyện vọng về các vấn đề trong cuộc sống và trong học tập; mỗi trường học xây dựng 01 hòm thư đặt gần cổng trường; tại các lớp cũng trang bị 01 hòm thư nhỏ hoặc 01 “Cây mơ ước”. Các ý kiến, tâm tư, nguyện vọng, kể cả những niềm vui, nỗi buồn của bản thân hoặc những trao đổi, tâm sự dành cho nhà trường, thầy cô và bạn bè được học sinh viết vào những miếng giấy nhỏ bỏ vào các hòm thư của trường, của lớp hoặc dính lên các “Cây mơ ước”; cứ cuối mỗi tuần, giáo viên Tổng phụ trách Đội và giáo viên chủ nhiệm tổng hợp các ý kiến của học sinh.

- Kết quả: Thông qua phong trào *Điều em muốn nói*, các nhà trường, giáo viên đã nắm được các ý kiến của học sinh theo hướng “cá nhân hoá”; từ đó kịp thời điều chỉnh, bổ sung cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục, dạy học; tạo được môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. Phong trào đã thu hút được đông đảo các em học sinh tham gia, ngày càng có nhiều học sinh bày tỏ quan điểm, ý kiến, tâm

²⁸ Công văn 385/PGDĐT ngày 22/11/2018 về việc phát động phong trào thi đua xây dựng Nhà vệ sinh thân thiện trong các trường học giai đoạn 2018-2023.

²⁹ Công văn 480/PGDĐT ngày 26/12/2018 về việc phát động phong trào *Điều em muốn nói*.

sự với thầy cô, bạn bè. Thông qua phong trào, nhà trường, thầy cô đã kịp thời hỗ trợ, tư vấn được nhiều học sinh yếu thế, gặp những khó khăn, vướng mắc trong cuộc sống và học tập.

III. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tại Chương trình 137 và Chương trình 38 của BCH Đảng bộ huyện (kết quả đạt được đến cuối năm học 2021-2022 và so sánh với chỉ tiêu đề ra năm 2022 tại Kế hoạch 2945/KH-UBND về thực hiện Chương trình 38)

- Đối với giáo dục mầm non:

+ Huy động trẻ em dân tộc thiểu số dưới 3 tuổi đến nhà trẻ 205/1572 (đạt tỉ lệ từ 13%), vượt 1,8%.

+ Trẻ dân tộc thiểu số 3-5 tuổi đi học mẫu giáo 2104/2205 (đạt tỉ lệ 95,4%), vượt 2,3%, trong đó tỉ lệ huy động trẻ 5 tuổi 755/755 (đạt 100%).

+ Có 2104/2104 trẻ dân tộc thiểu số 3-5 tuổi học mẫu giáo được tăng cường và chuẩn bị tiếng Việt để vào học lớp 1 (đạt 100%), đạt chỉ tiêu đề ra.

+ Có 09/10 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia (đạt tỉ lệ 90%), đạt chỉ tiêu đề ra.

+ Đạt chuẩn PCGD cho trẻ mầm non 5 tuổi năm 2024.

- Đối với giáo dục phổ thông:

+ Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở chuyển sang học nghề 131/495 (đạt tỉ lệ 26,5%), vượt 0,6%.

+ Học sinh dân tộc thiểu số cấp tiểu học được đánh giá hoàn thành chương trình lớp học 674/674 (đạt 100%), đạt chỉ tiêu đề ra.

+ Học sinh dân tộc thiểu số được học ngoại ngữ, tin học từ lớp 3 trở lên 2320/2320 (đạt 100%), đạt chỉ tiêu đề ra.

+ Học sinh dân tộc thiểu số cấp trung học cơ sở có hạnh kiểm từ trung bình trở lên 2359/2361 (đạt tỉ lệ 99,9%), vượt 0,3%, trong đó hạnh kiểm tốt, khá 2170/2361 (đạt tỉ lệ 92%), đạt chỉ tiêu đề ra.

+ Học sinh dân tộc thiểu số cấp trung học cơ sở có học lực từ trung bình trở lên 2208/2361 (đạt tỉ lệ 93,5%), chưa đạt so với tỉ lệ 96,1% đề ra, trong đó đạt khá, giỏi trên 686/2361, (đạt tỉ lệ 29,1%), đạt chỉ tiêu đề ra.

+ Có 9/11 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia (đạt 81,8%), đạt chỉ tiêu đề ra.

+ Có 5/6 trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia (đạt tỉ lệ 83,3%), đạt chỉ tiêu đề ra.

+ Có 3/3 trường tiểu học - trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia (đạt 100%), đạt chỉ tiêu đề ra.

+ Đạt chuẩn PCGD THCS năm 2008, chuẩn PCGD tiểu học đúng độ tuổi năm 2010.

IV. Đánh giá chung

1. Kết quả nổi bật

- Các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo được thực hiện đồng bộ, xuyên suốt, thể hiện được vai trò công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền đối với nhiệm vụ giáo dục và đào tạo.

- Công tác truyền thông về chủ trương, chính sách đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo được thực hiện tốt, tạo được sự đồng thuận của các cấp, các ngành và toàn xã hội.

- Địa phương triển khai kịp thời, linh hoạt các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo đúng chỉ đạo của cấp trên, phù hợp với điều kiện thực tế từng trường học, cấp học; bước đầu có những chuyển tích cực về chất lượng và hiệu quả giáo dục.

- Các điều kiện đảm bảo triển khai hiệu quả đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo không ngừng được củng cố, nâng cao. Đội ngũ nhà giáo từng bước được bổ sung đủ, đồng bộ về số lượng, chất lượng; bố trí, sắp xếp hợp lý đội ngũ hiện có; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được đầu tư, nâng cấp ngày càng khang trang, hiện đại; kinh phí dành cho giáo dục được phân bổ, sử dụng hiệu quả; xã hội hóa giáo dục tiếp tục được đẩy mạnh, thu hút ngày càng nhiều các nguồn lực hỗ trợ cho sự phát triển của giáo dục.

- Về sáp nhập trường học liên cấp đã gây ra một số khó khăn, bất cập trong công tác quản trị và tổ chức một số hoạt động giáo dục chung của nhà trường: Số lớp của cấp tiểu học lớn nhưng chỉ có 01 CBQL phụ trách tất cả các mảng hoạt động từ công tác hành chính đến chuyên môn; hoạt động tập trung, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh bất cập khi hai độ tuổi của học sinh khác nhau, có tâm sinh lý khác nhau. Vị trí giáo viên TPT Đội chỉ có 01 nhưng khi sáp nhập vẫn thực hiện học ở hai địa điểm, dẫn đến tiết chào cờ và các hoạt động giáo dục chung khó thực hiện cho cả hai cấp học.

*** Nguyên nhân của những kết quả đạt được**

- Ngành giáo dục và đào tạo luôn nhận được sự quan tâm sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của cấp ủy, chính quyền địa phương, sự hướng dẫn, chỉ đạo kịp thời của Sở GD&ĐT Kon Tum; sự phối hợp hiệu quả của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể; sự ủng hộ, đồng thuận của các tầng lớp nhân dân.

- Nội bộ ngành giáo dục đoàn kết, thống nhất; đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và nhà giáo có nhiều nỗ lực, phấn đấu vượt khó, nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác, tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển chung của ngành.

2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

- Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, địa phương với ngành giáo dục có mặt còn hạn chế, nhất là trong việc huy động các nguồn lực cho giáo dục, việc tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cha mẹ học sinh đối với việc học tập của con em và việc vận động học sinh ra lớp, duy trì tỉ lệ chuyên cần.

- Vẫn còn khó khăn khi sắp xếp, bố trí giáo viên giảng dạy do thiếu biên chế, nhất là giáo viên các môn Tin học, Tiếng Anh và các môn tích hợp theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tối thiểu vẫn còn thiếu, số đã được trang bị hiện nay đa số đã lạc hậu; một số hạng mục công trình đã xuống cấp cần sửa chữa, thay thế (*phòng học, nhà vệ sinh, giếng nước, ...*). Các phòng bộ môn, trang thiết bị thực hiện chương trình GDPT mới tại các trường học chưa có hoặc trang bị chưa đầy đủ, đồng bộ (*máy chiếu, ti vi, ...*). Tại các trường có tổ chức bán trú thì nhà ăn, nhà bếp, phòng ngủ và các thiết bị bên trong còn thiếu và chưa đạt chuẩn theo quy định.

- Chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao nhưng nhìn chung vẫn còn chênh lệch, không đồng đều giữa vùng thuận lợi và vùng khó khăn.

- Xã hội hóa giáo dục đã được đẩy mạnh song kết quả huy động được vẫn còn thấp. Các đơn vị tự chủ tài chính 1 phần gặp khó khăn trong quá trình hoạt động do nguồn lực tự chủ còn hạn chế.

- Về sáp nhập trường học liên cấp đã gây ra một số khó khăn, bất cập trong công tác quản trị và tổ chức một số hoạt động giáo dục chung của nhà trường: Số lớp của cấp tiểu học lớn nhưng chỉ có 01 CBQL phụ trách tất cả các mảng hoạt động từ công tác hành chính đến chuyên môn; vị trí giáo viên TPT Đội chỉ có 01 nhưng khi sáp nhập vẫn thực hiện học ở hai địa điểm, dẫn đến tiết chào cờ và các hoạt động giáo dục chung khó thực hiện cho cả hai cấp học;

*** Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm**

- Chỉ tiêu biên chế giáo viên hàng năm chưa được phân bổ đủ theo quy định cùng với thực hiện chủ trương tinh giản biên chế nên thiếu giáo viên dẫn đến khó khăn khi bố trí, sắp xếp giảng dạy.

- Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị đã được quan tâm đầu tư, nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế tại các trường học.

- Trong thời gian qua, do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 nên công tác dạy học, giáo dục thường xuyên bị gián đoạn đã ảnh hưởng đến việc duy trì sĩ số, tỉ lệ chuyên cần và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện của một số cán bộ quản lý, giáo viên bước đầu còn lúng túng, thiếu linh hoạt.

- Năng lực quản lý, giảng dạy của một bộ phận cán bộ quản lý, giáo viên vẫn còn hạn chế; một số giáo viên vẫn chậm tiếp cận nội dung chương trình, sách giáo khoa mới. Việc chỉ đạo, thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và công tác giáo dục nâng cao ý thức, trách nhiệm cá nhân học sinh đối với việc rèn luyện, học tập ở một số trường học chưa được chú trọng đúng mức. Một bộ phận nhỏ học sinh chưa có thái độ, động cơ học tập đúng đắn, thiếu cố gắng vươn lên trong học tập.

- Điều kiện kinh tế của nhân dân trên địa bàn huyện còn thấp, đa số đồng

bào vùng DTTS đa số còn gặp khó khăn, nhận thức của một bộ phận nhân dân chưa cao đã tác động đến việc chăm lo học tập của con em và việc đóng góp xã hội hoá; ý thức, động cơ học tập và khả năng tiếp thu của học sinh vùng DTTS vẫn còn mặt hạn chế.

- Về sáp nhập trường học: Quy định của trường liên cấp học thì tối đa có 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng (01 THCS, 01 TH) và chỉ có 01 vị trí việc làm là TPT Đội. Tuy sáp nhập nhưng vẫn duy trì học tại hai điểm trường khác nhau.

V. Về kết quả khắc khuyết điểm tại Thông báo số 761/TB-TU ngày 26/11/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình số 67-CTr/TU thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

1. Đối với khuyết điểm “Phòng bộ môn, thiết bị dạy học của một số trường phổ thông còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng việc tổ chức dạy 2 buổi/ngày”

Kết quả khắc phục: Trên cơ sở Nghị quyết của HĐND huyện về kế hoạch đầu tư hàng năm, UBND huyện đã chỉ đạo triển khai thực hiện đúng tiến độ, đạt kế hoạch đề ra, tập trung vào các hạng mục đầu tư, sửa chữa, xây mới phòng học, nhà vệ sinh, khu hiệu bộ. Qua thống kê phòng học bộ môn, hiện nay toàn ngành có 43 phòng bộ môn, còn thiếu 67 phòng, cụ thể:

- Bậc Tiểu học thiếu 40 phòng: 9 phòng Ngoại ngữ, 10 phòng Tin học, 13 phòng giáo dục nghệ thuật/âm nhạc, 8 nhà đa năng/nhà GDTC.

- Bậc THCS thiếu 27 phòng: 3 phòng Vật lý/Hoá/Sinh, 6 phòng giáo dục nghệ thuật/âm nhạc, 6 phòng Ngoại ngữ, 7 phòng công nghệ, 5 nhà đa năng/nhà GDTC.

Nguyên nhân các phòng bộ môn và các trang bị bên trong (*máy móc, phương tiện*) chưa được đầu tư đầy đủ do nguồn kinh phí chưa được bố trí đủ, việc khắc phục thiếu phòng bộ môn có thể thực hiện bằng cách bố trí, sử dụng các phòng dạy học hiện có, tuy nhiên việc trang bị các thiết bị bên trong vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

(Chi tiết tại Phụ lục 7 đính kèm)

2. Đối với khuyết điểm “Số lượng giáo viên mầm non, tiểu học còn thiếu; một số giáo viên chưa đáp ứng yêu cầu giảng dạy, đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo”

- Để khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, từ năm 2019 đến nay, UBND huyện đã tuyển dụng bổ sung 63 giáo viên, trong đó tuyển dụng 41 giáo viên năm 2019, 22 giáo viên cuối năm 2022 (*sang đầu tháng 4/2023 các 22 giáo viên trên đã đến nhận nhiệm vụ tại các trường*). Trong những năm tới, sẽ tiếp tục tham mưu

cấp trên bổ sung số lượng biên chế và tổ chức tuyển dụng.

- Về chất lượng đội ngũ: Hiện nay trình độ chuyên môn, kỹ năng sư phạm của đội ngũ giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu giảng dạy (*số chưa đạt trình độ đang tham gia các lớp đào tạo hoặc sẽ thực hiện tinh giản biên chế*).

Kết quả khắc phục: Đã khắc phục được một phần.

(Kết quả chất lượng đội ngũ tại Phụ lục 2, 3, 4 kèm theo)

3. Đối với khuyết điểm “*Chất lượng học tập của một số học sinh vùng sâu, vùng xa, học sinh DTTS còn thấp*”

Việc thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu về nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS (*Nghị quyết số 05-NQ/TU, Nghị quyết 02-NQ/TU, Nghị quyết số 83/2016/NQ-HĐND, Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND, Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND, Chương trình 66-CTr/HU, Chương trình 38-CTr/HU, ...*), vì vậy các chỉ tiêu về chất lượng học sinh đều đã đạt và vượt chỉ tiêu đề ra tại các Nghị Quyết, Chương trình, Đề án... (*kết quả chi tiết tại mục III nêu trên*). Trong thời gian tới, tiếp tục thực hiện tốt các giải pháp để tiếp tục nâng cao chất lượng học tập của học sinh, củng cố tính bền vững, thực hiện tốt việc duy trì sĩ số và tỉ lệ chuyên cần.

Kết quả khắc phục: Đã khắc phục được, tiếp tục củng cố tính bền vững.

(Kết quả chi tiết tại mục III nêu trên)

4. Đối với khuyết điểm “*Hiệu quả công tác hướng nghiệp ở các trường THCS còn hạn chế*”

Kết quả khắc phục: Công tác giáo dục, định hướng nghề nghiệp được các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc, vừa giáo dục hướng nghiệp theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, kết hợp linh hoạt trong các động ngoài giờ lên lớp, phối hợp với các cơ quan liên quan (*Phòng LĐ-TB&XH huyện, trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum, Trung tâm GDNN-GDTX huyện, ...*) tổ chức các buổi tư vấn trực tiếp cho học sinh tại các trường học (*mỗi đơn vị tổ chức tại các trường 1 lần/năm học*). Hiện nay, mỗi trường cấp THCS có 01 giáo viên phụ trách công tác hướng nghiệp, hàng năm Phòng GD&ĐT đều cử giáo viên các trường tham gia tập huấn, bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng tư vấn, hướng nghiệp do Sở GD&ĐT tổ chức. Nhìn chung, công tác hướng nghiệp đã được thực hiện hiệu quả.

Kết quả khắc phục: Đã khắc phục được một phần, tiếp tục nâng cao số học sinh tốt nghiệp THCS tham gia học nghề.

5. Đối với khuyết điểm “*Tỷ lệ học sinh lớp 3 học tiếng Anh theo chương trình mới, tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp THCS tham gia học nghề còn thấp*”

- Từ năm học 2022-2023, 100% học sinh lớp 3 (*1306/1306 học sinh*) được học tiếng Anh với thời lượng 4 tiết/tuần theo chương trình 2018 (*bắt buộc*).

- Nhờ tăng cường quản lý và thực hiện tốt giáo dục hướng nghiệp nên tỉ lệ học sinh sau tốt nghiệp THCS tham gia học nghề tăng hàng năm, đều đạt các chỉ tiêu tại Nghị Quyết, Chương trình của tỉnh và huyện (*Kết quả đạt được tại Phụ lục 5 kèm theo*).

Kết quả khắc phục: Đã khắc phục được.

6. Đối với khuyết điểm “Công tác xã hội hoá giáo dục chưa đồng đều, rộng khắp, hiệu quả chưa cao; vẫn còn tình trạng lạm thu tại một số cơ sở giáo dục”

- Các cơ sở giáo dục đã tăng cường huy động các nguồn lực xã hội hóa, nguồn lực huy động năm sau cao hơn năm trước (*tổng số quy đổi hàng năm từ 300-500 triệu đồng*), tiêu biểu tại các đơn vị trường học trên địa bàn Thị trấn Plei Kần, xã Pờ Y, xã Đăk Kan, ...; các trường vùng khó khăn chủ yếu huy động từ các nguồn tài trợ, hỗ trợ từ các tổ chức, nhà hảo tâm. Việc huy động xã hội hoá, tiếp nhận tài trợ được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, nguồn lực huy động được sử dụng đúng mục đích, hiệu quả. Tuy nhiên, nguồn lực xã hội hóa huy động được tại các trường vùng đồng bào DTTS vẫn còn thấp, nguyên nhân chủ yếu do điều kiện kinh tế, đời sống của đa số nhân dân vùng DTTS còn gặp khó khăn.

- Công tác thu, chi tại các cơ sở giáo dục được thực hiện đúng quy định, trong những năm gần đây không để xảy ra tình trạng lạm thu, gây dư luận bức xúc trong nhân dân (*qua kết quả giám sát của các cấp*).

Kết quả khắc phục: Đã khắc phục được một phần, tiếp tục huy động, nâng cao nguồn lực xã hội hóa.

VI. Một số bài học kinh nghiệm

Một là, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền đối với nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trên địa bàn. Thường xuyên rà soát, đề xuất nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách để huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo.

Hai là, đổi mới hình thức, nội dung tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và nhân dân về mục đích, ý nghĩa của việc quan tâm chăm lo cho giáo dục, chú trọng nâng cao nhận thức của phụ huynh về vai trò, ý nghĩa của việc giáo dục và chăm sóc đối với tương lai con em. Đảm bảo huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và các lực lượng xã hội đối với công tác giáo dục và đào tạo.

Ba là, việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trên địa bàn cần thực hiện đồng bộ, thống nhất với các Chương trình, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chú trọng đầu tư các điều kiện cần thiết như cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đội ngũ, ... đảm

bảo các nguồn lực đầu tư cho giáo dục được sử dụng đúng mục đích, tránh lãng phí. Đồng thời, tăng cường hơn huy động các nguồn lực xã hội hoá để đầu tư cho giáo dục.

Bốn là, phát huy hiệu quả các chế độ, chính sách dành cho đội ngũ nhà giáo, học sinh.

Năm là, thực hiện nghiêm túc việc sơ kết, tổng kết các Chương trình, Đề án tổng thể đang triển khai trong ngành, thường xuyên đánh giá, rút kinh nghiệm và kịp thời tham mưu, đề xuất cấp các cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

Sáu là, thực hiện tốt việc phân cấp, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong lĩnh vực giáo dục, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời chấn chỉnh, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

VII. Nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới và đề xuất, kiến nghị

1. Nhiệm vụ trọng tâm

1.1. Rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo: Tiếp tục triển khai thực hiện việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc giai đoạn 2 Đề án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017. Kịp thời đánh giá, đề xuất các cấp chỉ đạo, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

1.2. Nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

- Tiếp tục tham mưu cấp trên bổ sung đủ số lượng giáo viên.

- Triển khai hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQL đáp ứng yêu cầu về trình độ, có kỹ năng sư phạm và đạo đức nghề nghiệp, chủ động, sáng tạo.

- Tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ bồi dưỡng giáo viên, CBQL giáo dục triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; bồi dưỡng nâng cao năng lực triển khai các nhiệm vụ cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm.

1.3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục

- Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên các kỹ năng ứng dụng CNTT, chuyển đổi số; tăng cường xây dựng nền tảng dạy và học trực tuyến, hệ thống bài giảng, kho học liệu số theo hướng dẫn của ngành.

- Nâng cao tần suất khai thác, sử dụng các phần mềm phổ biến hiện nay, ứng dụng hiệu quả trong công tác quản lý, soạn giảng, dạy và học. Tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao việc chuyển đổi quản lý, sử dụng hồ sơ, sổ sách trên môi trường mạng.

- Vận dụng tối đa ưu điểm của công nghệ số để kết nối, nắm bắt, định hướng dư luận xã hội và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực giáo dục.

1.4. Đẩy mạnh phân cấp, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo: Tiếp tục thực hiện phân cấp mạnh mẽ, toàn diện việc quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục theo Nghị định số 127/2018/NĐ-CP và phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức theo Quyết định số 29/QĐ-UBND của UBND tỉnh Kon Tum. Đẩy mạnh thực hiện dân chủ trong trường học, xây dựng quy tắc ứng xử và văn hoá học đường gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục.

1.5. Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo

- Tăng cường đầu tư xây mới và bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị đầy đủ nhằm thực hiện tốt CTGDPT 2018 và xây dựng các trường chưa đạt chuẩn quốc gia, nâng chuẩn đối với các trường đã đạt mức 1, 2.

- Chủ động tham mưu với các cấp có thẩm quyền đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn vốn nhằm tu bổ cơ sở vật chất, tăng cường thiết bị dạy học và mở rộng mô hình tổ chức ăn bán trú dân nuôi cho học sinh.

2. Kiến nghị, đề xuất

2.1. Đối với Huyện uỷ: Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan tâm thực hiện các điều kiện đáp ứng đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo như đầu tư sửa chữa, xây dựng mới cơ sở vật chất (*nhất là phòng học, phòng bộ môn*) và trang bị cơ sở vật chất, thiết bị bên trong các phòng học, phòng bộ môn; thực hiện tuyển dụng bổ sung số đội ngũ còn thiếu; tăng cường huy động học sinh ra lớp và duy trì sĩ số.

2.2. Đối với UBND tỉnh Kon Tum:

+ Kiến nghị lên cấp có thẩm quyền: (1) Duy trì tuổi nghỉ hưu đối với nhà giáo như trước đây, vì thực hiện theo Nghị quyết số 135/2020/NQ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định tuổi nghỉ hưu là khó thực hiện do giáo viên lớn tuổi, sức khỏe giảm, không bắt kịp sự đổi mới về nội dung, chương trình giáo dục, chịu nhiều áp lực trong công việc (*nhất là giáo viên mầm non, tiểu học*). (2) Các trường học vùng DTTS nói chung và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nói riêng, đời sống của đa số nhân dân còn khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo – hộ cận nghèo cao. Vì vậy, các cấp, các ngành cần tiếp tục duy trì chính sách dành cho học sinh vùng DTTS như hiện nay³⁰, đồng thời xem xét bổ sung các cơ chế, chính sách hỗ trợ, đầu tư nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo vùng DTTS nhằm khắc phục việc cắt giảm chế độ chính sách cho học sinh khi các xã đạt chuẩn nông thôn mới.

+ Ưu tiên các nguồn vốn đầu tư hạ tầng cho ngành giáo dục, tập trung đầu tư phòng học, phòng bộ môn, nhà đa năng, công trình vệ sinh, nước sạch và các trang thiết bị dạy học hiện đại thực hiện chương trình GDPT mới.

+ Bổ sung số lượng biên chế giáo viên cho địa phương đảm bảo tỷ lệ giáo

³⁰ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 về quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

viên/lớp theo đúng quy định.

2.3. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo Kon Tum: Tiếp tục quan tâm, đẩy nhanh tiến độ việc cấp phát trang thiết bị dạy học thực hiện Chương trình GDPT 2018.

Trên đây là Báo cáo của UBND huyện Ngọc Hồi về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Kon Tum (b/c);
- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- TT UBMTTQVN huyện (b/c);
- Sở GD&ĐT Kon Tum (b/c);
- Ban Tuyên giáo Huyện ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện (t/h);
- UBND các xã, thị trấn (t/h);
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Y Lan